TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Tư;
Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Văn Hưng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Minh Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Thân Thu H, sinh năm 1995.
HKTT: Số nhà 124, L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
Địa chỉ hiện nay: Nhà số 5, ngách 25, Tổ dân phố Đ, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Số nhà 124, L, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, những lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thân Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang ngày 25/3/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn phục vụ kinh tế gia đình nên thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến va chạm, căng thẳng, mất lòng tin đối với nhau, nhiều lần anh T đuổi chị ra khỏi nhà. Việc mâu thuẫn vợ chồng bản thân hai người đã có gắng tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không có kết quả, mẫu thuẫn vợ chồng vẫn thường hay xảy ra và ngày một nhiều hơn. Hậu quả là giữa chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu D ở với anh T, cháu Hải Đ do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi cháu Hải Đ, Chị H đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cháu D. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Toà giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình tham gia tố tụng tại toà bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thân Thu H kết hôn với nhau ngày 25/3/2015 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn giữa anh và Chị H chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình anh làm nghề kinh doanh, có rất nhiều việc cần sự trợ giúp của Chị H nhưng Chị H không ở nhà kinh doanh, Chị H đi làm công ty ngoài và thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm đến công việc gia đình, không quan tâm đến chồng con, anh và gia đình góp ý thì Chị H lại có lời lẽ xúc phạm đến anh. Chính vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, dẫn đến xô xát với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng bản thân anh đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục nhưng không có kết quả. Hậu quả là giữa anh và Chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2020 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng bản thân anh vẫn cố gắng thuyết phục Chị H về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con chung nhưng Chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do vậy, anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và Chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018. Từ khi ly thân cháu D ở với anh, cháu Hải Đ do Chị H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn thì anh xin nuôi cháu D, anh T đồng ý để Chị H trực tiếp nuôi cháu Hải Đ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Toà giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự được biết: Chị H và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương, thời gian gần đây hai người có mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Thân Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 05/02/2017; giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018 cho Chị H nuôi dưỡng.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Thân Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên toà.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Giữa chị Thân Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố B. Do vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Thân Thu H và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Cả Chị H và anh T đều xác định sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong công việc làm ăn phục vụ kinh tế gia đình, hai người đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với Chị H nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhưng Chị H kiên quyết xin ly hôn, bị đơn là anh T không tìm được biện pháp động viện Chị H về đoàn tụ và hai ng□ời vẫn sống ly thân, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bị đơn được biết: Giữa Chị H và anh T có mâu thuẫn, hai người không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của Chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Thân Thu H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 05/02/2017 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cả Chị H và anh T đều có nguyện vọng mỗi người nuôi một con chung. Chị H xin nuôi cháu Hải Đ, anh T xin nuôi cháu D. Xét thấy, cả Chị H và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi con chung và để đảm bảo quyền lợi cho các con chưa thành niên được nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt nhất, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của hai bên đương sự, giao cho Chị H trực tiếp được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ và giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng D là phù hợp với điều kiện thực tế và pháp luật.

[5]. Chị Thân Thu H và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp ở với mình mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Thân Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thân Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 01/8/2018 cho chị Thân Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 05/02/2017 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thân Thu H và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không trực tiếp ở với mình mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thân Thu H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000958 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị Thân Thu H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS ND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường D, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Dương Văn Hải

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Văn Hải